

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Trà về việc phê duyệt dự toán Dịch vụ vệ sinh quét dọn đường phố, thu gom rác thải và nạo vét cống trên địa bàn phường Mỹ Trà trong 09 tháng cuối năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-TTCUĐVC, ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công phường Mỹ Trà về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Dịch vụ vệ sinh quét dọn đường phố, thu gom rác thải và nạo vét cống trên địa bàn phường Mỹ Trà trong 09 tháng cuối năm 2026;

- Tên công trình: Dịch vụ vệ sinh quét dọn đường phố, thu gom rác thải và nạo vét cống trên địa bàn phường Mỹ Trà trong 09 tháng cuối năm 2026

- Loại, cấp công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Vệ sinh quét dọn đường phố, thu gom rác thải và nạo vét cống trên địa bàn phường Mỹ Trà trong 09 tháng cuối năm 2026.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường Mỹ Trà.

- Nguồn vốn thanh toán: Vốn sự nghiệp môi trường năm 2026.

- Thời thực hiện hợp đồng: 275 ngày

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói (Khối lượng nghiệm thu thực tế)

- Địa điểm thực hiện: phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp.

### **2. Mục tiêu công việc:**

*Trong mục này Chủ đầu tư cần cung cấp đầy đủ, chi tiết thông tin về các dịch vụ sẽ được thực hiện để bảo đảm nhà thầu có thể lập E-HSDT một cách hiệu quả, chính xác và cạnh tranh nhất có thể.*

- Khối lượng thực hiện theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Trà về việc phê duyệt dự toán Dịch vụ vệ sinh quét dọn đường phố, thu gom rác thải và nạo vét cống trên địa bàn phường Mỹ Trà trong 09 tháng cuối;

#### *2.1. Quét đường phố, vỉa hè bằng thủ công:*

- Quét, gom rác đường phố bằng thủ công.

- Quét, gom rác hè phố bằng thủ công.

- Tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch.

- Thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly  $L \leq 15\text{km}$ .

#### 2.2. Thu gom rác xà bần:

- Thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly  $L \leq 15\text{km}$  gồm: rác cặn xà bần, phế thải xây dựng, nhánh cây, rác công viên, hoa viên... Thu gom rác các tuyến đường trên địa bàn xã Nhị Mỹ (cũ) và xã An Bình (cũ).

#### 2.3. Nạo vét, duy trì hệ thống thoát nước:

- Nạo vét bùn hố ga, cự ly trung chuyển bùn bình quân 1000m, vận chuyển bùn bằng ô tô tự đổ 2,5T, cự ly vận chuyển bình quân  $10\text{km} < L \leq 14\text{km}$ .

- Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, lượng bùn  $\leq 1/3$  tiết diện cống, đk cống  $>300\text{mm} - \leq 600\text{mm}$ , cự ly trung chuyển bùn bình quân 1000m, vận chuyển bùn bằng ô tô tự đổ 2,5T, cự ly vận chuyển bình quân  $10\text{km} < L \leq 14\text{km}$ .

- Nạo vét bùn cống ngầm bằng ô tô hút bùn 2m<sup>3</sup> (cống tròn có đường kính  $\geq 700\text{mm}$  và các loại cống khác có tiết diện tương đương), cự ly vận chuyển  $10\text{km} < L \leq 14\text{km}$ .

#### 2.4. Xử lý bùn thải:

- Xử lý bùn cống từ nạo vét hệ thống thoát nước đô thị.

## 2.5 Chi tiết khối lượng thực hiện:

### 2.5.1 Khối lượng quét dọn các tuyến đường trên địa bàn phường Mỹ Trà

Stt	Tên đường	Quét lòng đường				Số lần thực hiện		Tổng cộng	
		Dài (m)	Rộng nền đường (m)	Chiều rộng quét (2mx2 bên) (m)	Diện tích (quét thủ công) (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	
								Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
<b>1</b>	<b>Đường Điện Biên Phủ</b>								
	<i>1.1 Đoạn Vòng Xuyên nghĩa trang - Thủ Khoa Huân</i>	437	12	4	1.748	236		412.528,00	
	<i>1.2 Đoạn Thủ Khoa Huân đến tuyến tránh Cao Lãnh</i>	1.240	12	4	4.960	236		1.170.560,00	
<b>2</b>	<b>Đường Nguyễn Huệ (Cầu Đình Trung đến Cao Văn Đạt)</b>	2.012	22	4	8.048	236		1.899.328,00	
	Dãy phân cách đường Nguyễn Huệ (Cầu Đình Trung đến Lê Đại Hành)								
	<i>2.1 Đoạn dãy phân cách mềm từ Cầu Đình Trung - dãy phân cách cứng</i>	363		2	726		118	85.668,00	
	<i>2.2 Đoạn dãy phân cách cứng từ Tòa Án Tỉnh - Lê Đại Hành</i>	918		2	1.836		118	216.648,00	

Stt	Tên đường	Quét lòng đường				Số lần thực hiện		Tổng cộng	
		Dài (m)	Rộng nền đường (m)	Chiều rộng quét (2mx2 bên) (m)	Diện tích (quét thủ công) (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	
								Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
<b>3</b>	<b>Đường Phù Đổng (Điện Biên Phủ đến Lê Duẩn)</b>								
	3.1 Đoạn Điện Biên Phủ đến Lê Đại Hành	372	10,5	4	1.488		118		175.584,00
	3.2 Đoạn Điện Biên Phủ đến Lê Duẩn	306		4	1.224		118		144.432,00
<b>4</b>	<b>Đường Duy Tân</b>								
	4.1 Đường Duy Tân (Tôn Đức Thắng - Thủ Khoa Huân)	485		4	1.940	236		457.840,00	
	4.2 Dây phân cách Duy Tân (Tôn đức Thắng - Thủ Khoa Huân )	250		2	500	236		118.000,00	
<b>5</b>	<b>Đường Hàm Nghi (Tôn Đức Thắng - Cổng khán đài B)</b>	667	12	4	2.668	236		629.648,00	
<b>6</b>	<b>Đường Trần Quang Diệu (Lê Duẩn đến Điện Biên Phủ)</b>							-	
	6.1 Đoạn từ Lê Duẩn đến Duy Tân	290	12	4	1.160	236		273.760,00	

Stt	Tên đường	Quét lòng đường				Số lần thực hiện		Tổng cộng	
		Dài (m)	Rộng nền đường (m)	Chiều rộng quét (2mx2 bên) (m)	Diện tích (quét thủ công) (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	
								Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
	6.2 Đoạn từ Duy Tân đến Hàm Nghi	137	12	4	548	236		129.328,00	
	6.3 Đoạn từ Hàm Nghi đến Điện Biên Phủ	143	12	4	572	236		134.992,00	
<b>7</b>	<b>Đường Thủ Khoa Huân (Điện Biên Phủ đến Trương Hán Siêu)</b>							-	
	7.1 Đoạn từ Điện Biên Phủ đến Hàm Nghi	90	12	4	360	236		84.960,00	
	7.2 Đoạn từ Hàm Nghi đến Duy Tân	123	12	4	492	236		116.112,00	
	7.3 Đoạn từ Duy Tân đến Trương Hán Siêu	90		4	360	236		84.960,00	
<b>8</b>	<b>Đường Trương Hán Siêu</b>								
	8.1 Đoạn từ Tôn Đức Thắng - Trần Quang Diệu	270	12	4	1.080	236		254.880,00	
	8.2 Đoạn từ Trần Quang Diệu - Đường vào Khán đài A	188		4	752	236		177.472,00	
<b>9</b>	<b>Đường Lê Duẩn</b>								
	9.1 Đoạn từ Nguyễn Huệ đến Quán Tân Nghĩa	150	7	4	600		118		70.800,00

Stt	Tên đường	Quét lòng đường				Số lần thực hiện		Tổng cộng	
		Dài (m)	Rộng nền đường (m)	Chiều rộng quét (2mx2 bên) (m)	Diện tích (quét thủ công) (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	
								Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
	9.2 Đoạn từ Khán đài A đến Tôn Đức Thắng	440	7	4	1.760		118		207.680,00
	9.3 Đoạn từ Tôn Đức Thắng đến Cầu Bà Vại	915		4	3.660		118		431.880,00
<b>10</b>	<b>Đường Tôn Đức Thắng</b>								
	10.1 Đoạn từ Lê Duẩn đến Điện Biên Phủ	789	9	4	3.156	236		744.816,00	
	10.2 Đoạn từ Điện Biên Phủ - Lê Đại Hành	148	9	4	592	236		139.712,00	
	10.3 Đoạn từ Lê Đại Hành - KDL Mỹ Phước Thành	100		4	400	236		94.400,00	
<b>11</b>	<b>Đường Nguyễn Doãn Phong (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường số 4 chợ Mỹ Trà)</b>	135	5,5	4	540	236		127.440,00	
<b>12</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Biều (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường số 2 chợ Mỹ Trà)</b>	135	5,5	4	540	236		127.440,00	
<b>13</b>	<b>Đường Lê Đại Hành</b>								

Stt	Tên đường	Quét lòng đường				Số lần thực hiện		Tổng cộng	
		Dài (m)	Rộng nền đường (m)	Chiều rộng quét (2mx2 bên) (m)	Diện tích (quét thủ công) (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	
								Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
	13.1 Đoạn từ Nguyễn Huệ - đường tắc Thầy Cai	495		4	1.980		118		233.640,00
	13.2 Đoạn từ đường Tắc Thầy Cai - Phù Đổng	850		4	3.400		118		401.200,00
	13.3 Đoạn từ Phù Đổng - Trần Quang Diệu	520		4	2.080		118		245.440,00
	13.4 Đoạn từ Trần Quang Diệu - trường chuyên Nguyễn Quang Diêu)	551		4	2.204		118		260.072,00
	13.5 Đoạn từ đường số 9 - Chợ Mỹ Phú	170		4	680		118		80.240,00
	13.6 Đoạn từ Chợ Mỹ Phú - Tuyến tránh Cao Lãnh	125		4	500		118		59.000,00
<b>14</b>	<b>Đường Quốc lộ 30 (đoạn từ Cao Văn Đạt - Cầu Cần Lố)</b>	2.530		4	10.120		118		1.194.160,00

### 2.5.2 Khối lượng quét vĩa hè các tuyến đường trên địa bàn phường Mỹ Trà

STT	Tên đường	Quét vỉa hè					Số lần thực hiện		Tổng cộng	
		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026							Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	
		Lề trái		Lề phải		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)	
		Dài	Rộng	Dài	Rộng					
1	Vĩa hè đường Duy Tân (Tôn Đức Thắng đến Thủ Khoa Huân)	438	7,6	373	7,4	6.089	236		1.437.004	
2	Vĩa hè đường Hàm Nghi (đoạn Tôn Đức Thắng đến cổng khán đài B)									
	2.1 Đoạn từ Tôn Đức Thắng - Trần Quang Diệu			238	5,8	1.380	236		325.774	
	2.2 Đoạn từ Trần Quang Diệu - Khán đài B			236	7,6	1.794	236		423.290	
3	Vĩa hè đường Trần Quang Diệu (Lê Duẩn đến Điện Biên Phủ)									
	3.1 Đoạn từ Lê Duẩn đến Duy Tân	144	6,3	136	6,3	1.764	236		416.304	
	3.2 Đoạn từ Duy Tân đến Hàm Nghi	127	5,5	104	5,5	1.270,5	236		299.838	

STT	Tên đường	Quét vỉa hè				Số lần thực hiện	Tổng cộng		
		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026					Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026		
		Lề trái		Lề phải		Diện tích (m2)	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
		Dài	Rộng	Dài	Rộng				
4	Vỉa hè đường Tôn Đức Thắng (Trương Hán Siêu đến Hàm Nghi)								
	4.1 Đoạn từ Trương Hán Siêu đến Duy Tân			165	8,5	1.403	236	330.990	
	4.2 Đoạn từ Duy Tân đến Hàm Nghi			153	8,5	1.301	236	306.918	
	4.3 Đoạn từ Lê Đại Hành đến Khu du lịch Mỹ Phước Thành	100	6,0	100	6,0	1.200	236	283.200	
5	Vỉa hè đường Điện Biên Phủ (Vòng Xuyên nghĩa trang đến Thủ Khoa Huân)			176	2,2	387,2	236	91.379	
6	Vỉa hè đường Trương Hán Siêu (Tôn Đức Thắng đến Trần Quang Diệu)	212	4,4			933	236	220.141	
7	Vỉa hè đường Thủ Khoa Huân (Hàm nghi đến Duy Tân)	105	4,5	105	5,7	1.071	236	252.756	

STT	Tên đường	Quét vỉa hè				Số lần thực hiện	Tổng cộng			
		Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026					Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026			
		Lề trái		Lề phải			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	Quét 236 lần (1 ngày quét 1 lần và đã trừ ngày Chủ nhật không quét)	Quét 118 lần (2 ngày quét 1 lần và trừ ngày Chủ nhật không quét)
		Dài	Rộng	Dài	Rộng					
8	Vĩa hè đường Lê Duẩn (đoạn từ Nguyễn Huệ đến Quán Tân Nghĩa)	112,0	3,5	120,0	3,5	812		118		95.816
9	Vĩa hè đường Lê Đại Hành (Trần Quang Diệu đến trường chuyên Nguyễn Quang Diêu)									
	9.1 Đoạn từ Trần Quang Diệu - Trung tâm kiểm soát bệnh tật			55	5,9	325		118		38.291
	9.2 Đoạn Trung tâm kiểm soát bệnh tật - hết bệnh viện Da liễu			73	6,7	489		118		57.714
	9.3 Đoạn Bệnh viện Da liễu - trường chuyên Nguyễn Quang Diêu			308	4,7	1.448		118		170.817
	9.4 Đoạn vỉa hè trường tiểu học Mỹ Phú - Phù Đổng			420	5,0	2.100		118		247.800

**2.5.3 Khối lượng tua vỉa hè, thu dọn phế thải gốc cây, cột điện, miệng hàm ếch các tuyến đường trên địa bàn phường Mỹ Trà**

Stt	Tên đường	Tua vỉa hè	Số lần	Tổng cộng
		Dài (m)	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026
1	Đường Nguyễn Huệ (từ Cầu Đình Trung đến cầu Cồn Lố)	4.550	9	40.950
2	Đường Phù Đổng (Điện Biên Phủ đến Đường ấp An Lạc)	1.140	9	10.260
3	Đường Duy Tân (Tôn Đức Thắng đến Thủ Khoa Huân)	486	9	4.374
4	Dây phân cách mềm đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Cầu Đình Trung - dây phân cách cứng)	363	9	3.267
5	Đường Hàm Nghi (đoạn Tôn Đức Thắng đến Điện Biên Phủ)	830	9	7.470
6	Đường Trần Quang Diệu (Lê Duẩn đến Lê Đại Hành)	675	9	6.075
7	Đường Tôn Đức Thắng (Lê Duẩn đến KDL Mỹ Phước Thành)	1.080	9	9.720
8	Đường Điện Biên Phủ (Vòng Xuyên nghĩa trang đến Cầu Ông Hoàng)	2.950	9	26.550
9	Đường Trương Hán Siêu (Tôn Đức Thắng đến Khán đài A)	465	9	4.185
10	Đường Thủ Khoa Huân (Điện Biên Phủ đến Trương Hán Siêu)	340	9	3.060
11	Đường Lê Duẩn (Đoạn từ Nguyễn Huệ đến Cầu Bà Vại)	1.980	9	17.820
12	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ Nguyễn Huệ - Cầu Ông Hoàng)	3.830	9	34.470

Stt	Tên đường	Tua via hè	Số lần	Tổng cộng
		Dài (m)	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026	Từ 01/04/2026 đến 31/12/2026
13	Đường Trương Tấn Minh (đoạn từ Nguyễn Huệ - Nguyễn Thái Bình)	92	9	828
14	Đường Nguyễn Thái Bình (đoạn từ Lưu Văn Lang - Cuối đường)	380	9	3.420
15	Đường Hồ Biểu Chánh (đoạn từ Lưu Văn Lang - Cuối đường)	380	9	3.420
16	Đường Lưu Văn Lang (đoạn từ Nguyễn Huệ - Lý Chính Thắng)	270	9	2.430
17	Đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ Nguyễn Huệ - Lý Chính Thắng)	270	9	2.430
18	Đường Lý Chính Thắng (đoạn từ Mạc Đĩnh Chi - Lưu Văn Lang)	220	9	1.980
19	Đường số 12 (đoạn từ Lê Đại Hành - cuối đường)	300	9	2.700
20	Đường số 9 (đoạn từ Lê Đại Hành - Điện Biên Phủ)	155	9	1.395

#### 2.5.4 Khối lượng công, hố ga các tuyến đường trên địa bàn phường Mỹ Trà

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	TỔNG SỐ HỐ GA		Chiều dài công (m) f1000		Chiều dài công (m) f800		Chiều dài công (m) f600	
				Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải
1	Đường Duy Tân	Tôn Đức Thắng	Thủ Khoa Huân	19,0	19,0			400,0	400,0		
2	Đường Điện Biên Phủ	Phù Đổng	Tuyến tránh Cao Lãnh	61,0	64,0	1.600,0	1.600,0				
3	Đường Lê Duẩn										

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	TỔNG SỐ HỐ GA		Chiều dài cống (m) f1000		Chiều dài cống (m) f800		Chiều dài cống (m) f600	
				Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải
	3.1 Đoạn 1	Nguyễn Huệ	Phù Đổng		15,0						
	3.2 Đoạn 2	Tôn Đức Thắng	Cầu Rạch Tranh		14,0						
4	Đường Phù Đổng										
	4.1 Đoạn 1	Lê Duẩn	Điện Biên Phủ	8,0	8,0						
	4.2 Đoạn 2	Điện Biên Phủ	Lê Đại Hành	12,0	12,0						
5	Đường Nguyễn Huệ	Vòng xoay nghĩa trang	Cổng chào 500 căn	33,0	39,0						
6	Đường Nguyễn Thái Bình	Mạc Đĩnh Chi	Lưu Văn Lang	9,0	8,0						
7	Đường Mạc Đĩnh Chi	Nguyễn Huệ	Lý Chính Thắng	10,0	10,0						
8	Đường Trương Tấn Minh	Nguyễn Huệ	Nguyễn Thái Bình	6,0	5,0						
9	Đường Lưu Văn Lang	Nguyễn Huệ	Lý Chính Thắng	7,0	6,0						
10	Đường Hồ Xuân Hương	Mạc Đĩnh Chi	Lưu Văn Lang	8,0	8,0						
11	Cấp đường Nguyễn Huệ khu 500 căn	Mạc Đĩnh Chi	Lưu Văn Lang	7,0							
12	Đường Hồ Biểu Chánh	Mạc Đĩnh Chi	Lưu Văn Lang	9,0	9,0						
13	Đường số 7	Nguyễn Thái Bình	Lý Chính Thắng	7,0	6,0						
14	Đường số 8	Nguyễn Thái Bình	Hồ Biểu Chánh	3,0	2,0						
15	Đường số 12 khu 500 căn	Hồ Biểu Chánh	Lý Chính Thắng	5,0	4,0						
16	Đường số 13 khu 500 căn	Đường số 12	Mạc Đĩnh Chi	4,0	4,0						

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	TỔNG SỐ HỐ GA		Chiều dài cống (m) f1000		Chiều dài cống (m) f800		Chiều dài cống (m) f600	
				Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải
17	Đường Lý Chính Thắng 500 căn	Lưu Văn Lang	Mạc Đình Chi	8,0							
18	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Điện Biên Phủ	Hàm Nghi	9,0	9,0						
19	Đường Nguyễn Văn Tiệp	Điện Biên Phủ	Hàm Nghi	10,0	10,0						
20	Đường Trần Quốc Toàn	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Thượng Hiền	7,0	6,0						
21	Đường Phạm Thế Hiển	Tôn Đức Thắng	Trần Quang Diệu	11,0	11,0						
22	Đường Trương Hán Siêu	Tôn Đức Thắng	Trần Quang Diệu	9,0	11,0					191,0	192,0
23	Đường Hàm Nghi	Tôn Đức Thắng	Điện Biên Phủ	35,0	35,0			724,0	724,0		
24	Đường Trần Quang Diệu	Điện Biên Phủ	Lê Duẩn	18,0	18,0					540,0	540,0
25	Đường Thủ Khoa Huân	Điện Biên Phủ	Duy Tân	9,0	9,0					195,0	195,0
26	Đường Tôn Đức Thắng										
	26.1 Đoạn 1	Lê Duẩn	Trương Hán Siêu		2,0					100,0	
	26.2 Đoạn 2	Trương Hán Siêu	Điện Biên Phủ		26,0						720,0
	26.3 Đoạn 3	Điện Biên Phủ	Lê Đại Hành	8,0	8,0					118,0	118,0
	26.4 Đoạn 4	Lê Đại Hành	KDL Mỹ Phước Thành	4,0	4,0					90,0	90,0
27	Đường Phan Văn Cừ										
	27.1 Đoạn 1	Trần Quang Diệu	Tôn Đức Thắng	11,0	11,0						
	27.2 Đoạn 2	Số 9	Chợ Mỹ Phú	5,0	6,0						

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	TỔNG SỐ HỐ GA		Chiều dài cống (m) f1000		Chiều dài cống (m) f800		Chiều dài cống (m) f600	
				Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải
	27.3 Đoạn 3	Chợ Mỹ Phú	Tuyến tránh Cao Lãnh	6,0	6,0						
28	Đường Lê Văn Mỹ										
	28.1 Đoạn 1	Trần Quang Diệu	Tôn Đức Thắng	11,0	11,0						
	28.2 Đoạn 2	Số 9	Chợ Mỹ Phú	5,0	6,0						
	28.3 Đoạn 3	Chợ Mỹ Phú	Tuyến tránh Cao Lãnh	5,0	6,0						
29	Đường Nguyễn Văn Biều	Nguyễn Huệ	Cuối đường	7,0	6,0						
30	Đường Nguyễn Doãn Phong	Nguyễn Huệ	Cuối đường	8,0	4,0						
31	Đường Trước Siêu Thị Chợ Lớn	Nguyễn Văn Biều	Nguyễn Doãn Phong	2,0							
32	Đường Sau Siêu Thị Chợ Lớn	Nguyễn Văn Biều	Cuối đường	2,0							
33	Đường số 9	Điện Biên Phủ	Lê Đại Hành	7,0	3,0						
34	Đường Đinh Công Tráng	Thủ Khoa Huân	Điện Biên Phủ	11,0	11,0						
	<b>KHU DÂN CƯ RẠCH CHANH</b>										
35	Đường Lê Duẩn	cầu Rạch Chanh	cầu Bà Vại	17,0	26,0						
36	Đường Phan Hồng Thanh (trước UBND xã Mỹ Trà cũ)	Lê Duẩn	Đặng Văn Nghĩa	6,0	7,0						
37	Đường Phan Hồng Thanh (trước trường tiểu học Lý Tự Trọng)	Lê Duẩn	Đặng Văn Nghĩa	8,0	6,0						
38	Đường Lê Văn Phương	Lê Duẩn	Trần Văn Phụng	9,0	2,0						

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	TỔNG SỐ HỐ GA		Chiều dài cống (m) f1000		Chiều dài cống (m) f800		Chiều dài cống (m) f600	
				Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải
39	Đường Trần Văn Phụng	Đặng Văn Nghĩa	Nguyễn Hữu Nghĩa	21,0	16,0						
40	Đường Đặng Văn Nghĩa	Nguyễn Hữu Nghĩa	Lê Văn Phương	15,0	17,0						
41	Đường Phan Văn Đồi	Lê Duẩn	Đặng Văn Nghĩa	5,0	6,0						
42	Đường Lê Văn Ngạn	Lê Duẩn	Trần Văn Phụng	4,0	4,0						
43	Đường Nguyễn Văn Sỏ	Lê Duẩn	Đặng Văn Nghĩa	6,0	6,0						
44	Đường Hồ Văn Tản	Lê Duẩn	Trần Văn Phụng	4,0	4,0						
45	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa	Nguyễn Văn Thảo	Đặng Văn Nghĩa	6,0	6,0						
46	Đường Nguyễn Văn Thảo	Lê Duẩn	Nguyễn Hữu Nghĩa	6,0	5,0						
47	Đường Hồ Văn Hai	Lê Văn Phương	Phan Văn Đồi	4,0	4,0						
	<b>KHU DÂN CƯ QUẢNG KHÁNH</b>										
48	Đường Quảng Khánh	Cầu Quảng Khánh	cầu Mương Khai	27,0	22,0						
49	Đường Hồ Văn Thanh	đường số 1	đường số 3	17,0	17,0						
50	Đường Nguyễn Văn Nhân	đường số 1	đường số 3	17,0	17,0						
51	Đường số 1	đường Quảng Khánh	Hồ Văn Thanh	6,0	6,0						
52	Đường số 2	đường Quảng Khánh	Hồ Văn Thanh	7,0	6,0						
53	Đường số 3	đường Quảng Khánh	Hồ Văn Thanh	5,0	7,0						
54	Đường lòn trước Khu dân cư (cấp hoa viên)	Đường số 1	Đường số 3	17,0	17,0						

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	TỔNG SỐ HỐ GA		Chiều dài cống (m) f1000		Chiều dài cống (m) f800		Chiều dài cống (m) f600	
				Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải	Lề trái	Lề phải
	<b>CỘNG</b>			623,0	653,0	1.600,0	1.600,0	1.124,0	1.124,0	1.234,0	1.855,0
	<b>TỔNG CỘNG</b>			1.276,0		3.200,0		2.248,0		3.089,0	
	Thể tích nạo vét hố ga trung bình (tạm tính): $(1\text{m} \times 1\text{m} \times 0,15\text{m}) = 0,15 \text{ m}^3/\text{hố}$	Khối lượng bùn hố ga (m <sup>3</sup> ) = $1.276 \times 0,15$		191,40							
	Thể tích nạo vét cống tròn f800-1000 trung bình (tạm tính): $0,5\text{m}^2 \times 1,5\%$ tiết diện;	Khối lượng cống f800 - f1000 (m <sup>3</sup> ) : $(3.200+2.248) \times 0,5 \times 1,5\%$				40,86					
	Thể tích nạo vét cống f300 - f600 trung bình (tạm tính): $0,28\text{m}^2 \times 1,5\%$ tiết diện	Khối lượng cống f300 - f600 (m <sup>3</sup> ): $3.089 \times 0,28 \times 1,5\%$								12,97	

#### 2.5.4 Khối lượng thu gom rác các tuyến đường trên địa bàn An Bình cũ và Nhị Mỹ cũ

Stt	Tên đường	Khối lượng (tấn)
<b>I</b>	<b>ĐỊA BÀN XÃ NHỊ MỸ CŨ</b>	<b>2,980</b>
1	Đường Cái Da - Nhị Mỹ cũ	0,310
2	Đường Điện Biên Phủ (nối dài) Ông Hoàn	0,200
3	Đường cầu Cả Môn	0,280
4	Khóm Bình Dân	0,330

<b>Stt</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Khối lượng (tấn)</b>
5	Cụm dân cư - Nhị Mỹ cũ	0,470
6	Khóm Thanh Tiến	0,350
7	Khóm Nguyễn Cử	0,310
8	Khóm Bình Nhất	0,360
9	Khóm Hòa Dân	0,370
<b>II</b>	<b>ĐỊA BÀN XÃ AN BÌNH CŨ</b>	<b>4,060</b>
11	Đường Cầu Đình - Bà Chợ	0,240
12	Đường Rạch Xẻo Da	0,270
13	Đường Cầu Đình - Bà Chợ trong	0,250
14	Đường Cầu Thanh Niên	0,290
15	Cụm dân cư An Bình	0,520
16	Chợ An Bình cũ (Cù lao heo)	0,430
17	Đường Đình - Tám Bên - Ngã Cạy (tuyến tránh Cao Lãnh)	0,370
18	Đường Rạch Gốc	0,390
19	Đường Tắc Thầy Cai (nối dài)	0,310
20	Đường Cầu Trắng	0,320
21	Đường Phù Đổng nối dài	0,360
22	Đường Rạch Nhỏ	0,310
	<b>Tổng:</b>	<b>7,040</b>

### **3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

#### 1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp qui hiện hành.

#### 2. Yêu cầu về máy móc, thiết bị phục vụ thi công

- Máy móc thiết bị thi công phải được kiểm định đánh giá đảm bảo chất lượng, an toàn và đúng chủng loại theo yêu cầu để thực hiện dịch vụ; các thiết bị được mua bảo hiểm suốt trong quá trình thi công.

- Nếu trong quá trình theo dõi kiểm tra phát hiện chất lượng vật tư, vật liệu hoặc thi công không đảm bảo yêu cầu thì Nhà thầu phải có biện pháp sửa chữa triệt để và kịp thời thống nhất với chủ đầu tư cách giải quyết, lập biên bản đầy đủ về biện pháp sửa chữa, về chất lượng và khối lượng công việc đã làm.

#### 4. Yêu cầu về trình tự thực hiện dịch vụ:

- Theo quy định trong hồ sơ dự toán được duyệt.

- **Khối lượng rác thải thu gom được vận chuyển về Ô chôn lấp rác hợp vệ sinh tại Khu xử lý rác thải Đập Đá, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp.**

#### 5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ: Theo quy định hiện hành

#### 6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường: Theo quy định hiện hành

#### 7. Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông:

- Toàn bộ nhân sự trên công trường phải được đào tạo về an toàn lao động, phải được trang bị bảo hộ lao động và mua bảo hiểm theo quy định.

- Công tác đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thực hiện dịch vụ: Trước khi thực hiện dịch vụ nhà thầu phải lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, trình cơ quan quản lý khai thác chấp thuận và trong quá trình thực hiện dịch vụ phải thực hiện đúng theo phương án đã được phê duyệt. Chi phí này nhà thầu phải tự tính toán và phân bổ vào trong giá dự thầu.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thực hiện dịch vụ: Theo quy định trong hồ sơ mời thầu bảo đảm đạt tiến độ theo yêu cầu.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ các hạng mục: Theo quy định trong hồ sơ được duyệt.

#### 11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

- Nghiệm thu nội bộ trước khi mời Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát nghiệm thu.

### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:*

*1. Giải pháp và phương pháp luận;*

*2. Kế hoạch công tác.*

**5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

*- Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành đầy đủ các hạng mục công việc. Nhà thầu đề nghị Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ.*